

SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 14 /KH-CCATVSTP

Bình Dương, ngày 17 tháng 03 năm 2025

TRUNG TÂM Y TẾ TP. THUAN AN

Số: 493
Ngày: 20/3

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

KẾ HOẠCH

Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm năm 2025

Căn cứ Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/09/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam;

Căn cứ Kế hoạch số 1589/KH-ATTP ngày 20/8/2021 của Cục An toàn thực phẩm về Kế hoạch truyền thông về ATTP giai đoạn 2021-2025 và Công văn số 400/ATTP-NĐ ngày 14/3/2022 của Cục An toàn thực phẩm về hướng dẫn thực hiện công tác truyền thông và Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-SYT ngày 10/01/2025 của Sở Y tế tỉnh Bình Dương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-SYT ngày 16/01/2025 của Sở Y tế tỉnh Bình Dương về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Y tế năm 2025;

Căn cứ kết quả thực hiện Kế hoạch công tác bảo đảm an toàn thực phẩm năm 2024.

Căn cứ Công văn số 696/SYT-NVY ngày 14/03/2025 về việc phê duyệt kế hoạch công tác đảm bảo an toàn thực phẩm và kế hoạch chi tiết các hoạt động kiểm tra về an toàn thực phẩm năm 2025.

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xây dựng Kế hoạch công tác bảo đảm an toàn thực phẩm năm 2025, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Dân số: 2.935.870 người.
- Diện tích: 2.694,43 km².
- Số huyện/ thành phố: 09.
- Số xã/phường/thị trấn: 91.
- Số khu phố/ấp: 586.
- Tổng số quản lý: 15.897 cơ sở, trong đó phân cấp theo 3 tuyến:

Loại hình	Sản xuất thực phẩm	Bếp ăn bệnh viện	Bếp ăn doanh nghiệp	Bếp ăn trường học	Cơ sở chế biến suất ăn sẵn	Dịch vụ ăn uống	Thức ăn đường phố	Tổng số
Tỉnh	354	0	353	0	402	1.061	0	2.170
Huyện	0	11	155	1.114	0	2.903	0	4.183

Xã	0	0	0	0	0	0	9.544	9.544
Cộng	354	11	508	1.114	402	3.964	9.544	15.897

Ghi chú: Dịch vụ ăn uống bao gồm: nhà hàng, dịch vụ đám tiệc, quán ăn; Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố: 9.544 cơ sở, trong đó: cố định 8.812, di động: 732.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về ATTP từ tỉnh tới xã, phường, thị trấn. Thiết lập và phát huy hiệu quả kiểm soát ATTP trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh trong tình hình mới.

2. Mục tiêu cụ thể

(1) Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống được kiểm tra đạt yêu cầu về điều kiện ATTP: $\geq 90\%$.

(2) Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: $\geq 95\%$.

(3) Tỷ lệ ca mắc NĐTP/100.000 dân trong các vụ ngộ độc thực phẩm được báo cáo: < 7 .

(4) Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý ATTP được bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ và kiến thức về ATTP: 100%.

(5) Tỷ lệ người sản xuất, kinh doanh thực phẩm được cập nhật kiến thức về ATTP: $\geq 95\%$.

(6) Tỷ lệ người tiêu dùng thực phẩm được cập nhật kiến thức về ATTP: $\geq 90\%$.

(7) Tỷ lệ người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người quản lý và người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về ATTP: $\geq 90\%$.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoạt động 1: Nâng cao năng lực quản lý chất lượng an toàn thực phẩm

1.1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về ATTP từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện và tuyến xã đủ năng lực quản lý và điều hành các hoạt động vì chất lượng ATTP đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế trong nước và quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- $\geq 90\%$ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống được kiểm tra đạt yêu cầu về điều kiện ATTP.

- $\geq 95\%$ cơ sở dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm (thuộc diện phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP) được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

- 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý ATTP tại tuyến tỉnh, tuyến huyện và tuyến xã được bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ và kiến thức về ATTP.

1.3. Giải pháp thực hiện

- Tiếp tục thực hiện các quy định, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Y tế và các Bộ có liên quan, Cục An toàn thực phẩm và của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (một số văn bản cụ thể bao gồm: Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý Nhà nước về An toàn thực phẩm trong tình hình mới; Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 11/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường phòng ngừa ngộ độc thực phẩm; Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 24/9/2019 về việc tăng cường hiệu quả, chất lượng công tác đảm bảo ATTP, phòng, chống ngộ độc thực phẩm tại các bếp ăn tập thể, căn tin có kinh doanh ăn uống trong các cơ sở giáo dục, đơn vị trường học trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Chỉ thị 05/CT-UBND ngày 23/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc tăng cường công tác phòng ngừa ngộ độc thực phẩm và đảm bảo an toàn thực phẩm thức ăn đường phố; Chỉ thị số 17/2016/CT-UBND ngày 25/07/2016 của UBND tỉnh về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP; Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 29/08/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy chế phối hợp giữa các Sở, Ban ngành trong công tác quản lý nhà nước về quảng cáo sản phẩm thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 17-CT-TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Bình Dương).

- Tăng cường công tác kiểm tra chuyên ngành, liên ngành về ATTP (định kỳ, chuyên đề, các đợt cao điểm, đợt xuất) ở cả 03 tuyến (tỉnh, huyện, xã).

- Cử cán bộ làm công tác quản lý ATTP tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên và Trung ương tổ chức. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý, thanh, kiểm tra ATTP ở tuyến huyện, tuyến xã và cộng tác viên chương trình ATTP.

- Tổ chức triển khai công tác giám sát tuyến về ATTP đối với tuyến huyện và tuyến xã.

- Rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền chỉnh sửa, bổ sung văn bản phân công, phân cấp quản lý nhà nước về ATTP.

- Nghiên cứu tham mưu xây dựng phần mềm quản lý hệ thống dữ liệu về an toàn thực phẩm.

2. Hoạt động 2: Thông tin truyền thông bảo đảm chất lượng an toàn thực phẩm

2.1. Mục tiêu chung

Nâng cao kiến thức, thực hành ATTP và ý thức trách nhiệm của các nhóm đối tượng: người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và người quản lý, lãnh đạo để tạo ra một môi trường thực phẩm an toàn, hợp vệ sinh phù hợp tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- $\geq 95\%$ người sản xuất, kinh doanh thực phẩm được cập nhật kiến thức về ATTP.

- $\geq 90\%$ người tiêu dùng thực phẩm được cập nhật kiến thức về ATTP.

- 100% cán bộ lãnh đạo quản lý được cập nhật kiến thức về ATTP.

- $\geq 90\%$ Tỷ lệ người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người quản lý và người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm

2.3. Giải pháp thực hiện

- Tổ chức hội nghị, hội thảo phổ biến các quy định, văn bản quy phạm pháp luật về ATTP cho người lãnh đạo quản lý về ATTP, người sản xuất thực phẩm, người kinh doanh và người tiêu dùng thực phẩm.

- Tổ chức thông tin truyền thông về ATTP, cảnh báo ô nhiễm thực phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là trên hệ thống loa, đài truyền thanh của xã, phường, thị trấn. Tăng cường số lượng và chất lượng truyền thông ATTP trong các dịp cao điểm về ATTP (Tháng hành động vì ATTP, Tết Trung thu, Tết Nguyên đán và Lễ hội Rằm tháng Giêng).

- Từng bước triển khai thông tin truyền thông về ATTP, cảnh báo ô nhiễm thực phẩm trên các nền tảng mạng xã hội.

- Tổ chức Lễ phát động/Hội nghị triển khai Tháng hành động vì An toàn thực phẩm năm 2025.

- Phối hợp các ban, ngành, đoàn thể tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về ATTP cho người tiêu dùng thực phẩm.

- In ấn và phân bổ các sản phẩm truyền thông về ATTP cho các tuyến. Tổ chức treo băng rôn tuyên truyền về ATTP tại các khu vực đông dân cư, chợ, các khu, cụm công nghiệp, ... vào các dịp cao điểm trong năm về ATTP.

- Tập huấn – Diễn tập ứng phó ngộ độc thực phẩm cho các doanh nghiệp, bếp ăn tập thể, cơ sở chế biến suất ăn sẵn.

- Tổ chức điều tra kiến thức, thực hành về ATTP của người lãnh đạo, quản lý; người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng:

+ Người lãnh đạo, quản lý: Lồng ghép khảo sát đánh giá kiến thức thông qua các cuộc họp, hội nghị.

+ Người sản xuất, kinh doanh thực phẩm: Lồng ghép khảo sát đánh giá kiến thức, thực hành thông qua hoạt động kiểm tra về ATTP.

+ Người tiêu dùng: Các đơn vị xây dựng phương pháp điều tra đánh giá kiến thức, thực hành của người tiêu dùng phù hợp với nguồn nhân lực và kinh phí của đơn vị.

3. Hoạt động 3: Tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm an toàn thực phẩm

3.1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực kiểm nghiệm của hệ thống kiểm nghiệm chất lượng ATTP trong tỉnh đủ khả năng đánh giá mức độ ô nhiễm hóa chất và vi sinh vật ở các loại thực phẩm tiêu dùng trong nước.

3.2. Mục tiêu cụ thể

100% huyện, thành phố triển khai các xét nghiệm nhanh (test nhanh) về ATTP phục vụ công tác giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm, thanh tra, kiểm tra, giám sát về ATTP.

3.3. Giải pháp thực hiện

- Phối hợp tổ chức tập huấn kỹ thuật test nhanh ATTP cho cán bộ chuyên trách ATTP ở tuyến huyện, xã.
- Mua sắm trang thiết bị, hóa chất (dụng cụ xét nghiệm, hóa chất, test nhanh) phục vụ công tác kiểm nghiệm ATTP.

4. Hoạt động 4: Phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm

4.1. Mục tiêu chung

Bảo đảm phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm; gắn công tác bảo đảm ATTP thức ăn đường phố với phong trào văn minh đô thị và xây dựng đời sống văn hóa sức khỏe. Xây dựng hệ thống giám sát ATTP và phân tích nguy cơ ô nhiễm thực phẩm.

4.2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ ca mắc ngộ độc thực phẩm/100.000 dân trong các vụ ngộ độc thực phẩm được báo cáo: < 7
- 100% huyện, thành phố tổ chức Diễn tập ứng phó ngộ độc thực phẩm bếp ăn tập thể cho các doanh nghiệp, trường học trên địa bàn.

4.3. Giải pháp thực hiện

- Tiếp tục triển khai Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh về việc tăng cường hiệu quả, chất lượng công tác đảm bảo ATTP, phòng,



chống ngộ độc thực phẩm tại các bếp ăn tập thể, căn tin có kinh doanh ăn uống trong các cơ sở giáo dục, đơn vị trường học trên địa bàn tỉnh;

- Tăng cường công tác giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm và cảnh báo nguy cơ ô nhiễm trong cộng đồng để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, trong đó:

+ Tuyên tỉnh: Tập trung giám sát ô nhiễm bằng kiểm nghiệm định lượng các mẫu có nguy cơ ô nhiễm thực phẩm cao, mẫu nghi ngờ ngộ độc thực phẩm, mẫu hậu kiểm chất lượng ATTP sau công bố sản phẩm.

+ Tuyên huyện: Căn cứ vào nguồn nhân lực, kinh phí và tình hình thực tế của địa phương để triển khai công tác giám sát ô nhiễm bằng test nhanh hoặc kiểm nghiệm định lượng đối với các cơ sở/nhóm thực phẩm được phân công quản lý.

- Chủ động phòng, chống, ứng phó ngộ độc thực phẩm, phối hợp điều tra và kết luận nguyên nhân ngộ độc thực phẩm.

- Tiếp tục vận động các bếp ăn tập thể, cơ sở chế biến suất ăn sẵn thực hiện ký cam kết không để xảy ra ngộ độc thực phẩm và thành lập tổ tự quản ATTP.

- *Riêng đối với công tác phòng ngừa ngộ độc thực phẩm thức ăn đường phố:*

+ Tiếp tục triển khai Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về việc tăng cường công tác phòng ngừa ngộ độc thực phẩm và đảm bảo an toàn thực phẩm thức ăn đường phố.

+ Tăng cường sự chỉ đạo của các cấp chính quyền về việc tuyên truyền xây dựng hình ảnh người kinh doanh thức ăn đường phố văn minh (mặc trang phục sạch sẽ, gọn gàng, đội nón chụp tóc, mang khẩu trang, tạp dề và găng tay).

+ Phòng Y tế, Trung tâm Y tế tham mưu cho UBND cấp huyện và cấp xã thực hiện quyết liệt, mạnh mẽ việc xử lý vi phạm ATTP thức ăn đường phố, kết hợp công bố thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng.

+ Huy động các tổ chức chính trị, xã hội (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên) và các sở, ban, ngành trong các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân giám sát thực hiện các quy định về ATTP thức ăn đường phố.

- Thẩm định hồ sơ, tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm theo phân cấp trên địa bàn.

5. Các hoạt động khác

- Tổ chức tiếp nhận hồ sơ Tự công bố chất lượng sản phẩm và công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế.

- Thẩm định hồ sơ và cấp giấy Đăng ký bản công bố sản phẩm, xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.



- Tiếp nhận thông tin và xử lý đơn thưa, phản ánh có liên quan đến ATTP
- Kèm theo Phụ lục 1: Chỉ tiêu chuyên môn chương trình mục tiêu Y tế - Dân số*

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Hành chính – Nghiệp vụ

- Chủ trì và phối hợp với Phòng Thanh tra, Trung tâm Y tế các huyện, thành phố triển khai thực hiện; đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện kế hoạch này, đảm bảo tiến độ, hiệu quả.
- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP; nâng cao năng lực hệ thống phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm; Phối hợp, hợp đồng với các cơ quan thông tin, truyền thông trên địa bàn tỉnh, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức an toàn thực phẩm, chủ trương, chính sách, các quy định pháp luật về ATTP, đưa tin bài phóng sự về thực trạng ATTP trên địa bàn;
- Tham mưu, xây dựng các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo điều hành về công tác an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh;
- Triển khai các hoạt động chuyên môn về ATTP thuộc lĩnh vực Y tế được phân công, phân cấp quản lý. Thực hiện tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính về an toàn thực phẩm theo phân cấp;
- Chỉ đạo bộ phận kế toán theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện giải ngân kinh phí và thanh, quyết toán các chế độ theo quy định;
- Tổng hợp báo cáo và tổ chức sơ kết 6 tháng, tổng kết năm 2025 theo quy định.

2. Phòng Thanh tra

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu kiện toàn Ban Chỉ đạo ATTP tỉnh;
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tăng cường công tác kiểm tra, hậu kiểm việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Y tế (Phụ lục II của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ)
- Chủ trì, xây dựng Kế hoạch kiểm tra, hậu kiểm lĩnh vực y tế theo Kế hoạch số 11/KH-BCĐTƯ-ATTP ngày 03/01/2025 của Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về việc triển khai công tác hậu kiểm an toàn thực phẩm năm 2025.

3. Trung tâm Y tế các huyện, thành phố

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch công tác bảo đảm an toàn thực phẩm năm 2025 tại địa phương cho phù hợp.

- Phối hợp với Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thực hiện thẩm định cấp Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại địa phương theo Quyết định số 05/QĐ-SYT ngày 08/01/2025 của Sở Y tế về việc thành lập các đoàn thẩm định cấp Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc ngành Y tế quản lý năm 2025.

- Báo cáo hàng tháng, Quý, 6 tháng, 12 tháng và các báo cáo chuyên đề về an toàn thực phẩm gửi về Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm đúng thời gian quy định để tổng hợp báo cáo Sở Y tế.

V. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025: (Phụ lục 2)

Tổng kinh phí được cấp: 1.350.000.000 đồng, trong đó: Ngân sách địa phương: 1.350.000.000 đồng, ngân sách Trung ương: 0 đồng.

Trên đây là Kế hoạch công tác bảo đảm an toàn thực phẩm năm 2025 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm. /

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Lãnh đạo Chi cục;
- TTYT huyện, thành phố;
- Các Phòng HCNV; TTrà;
- Lưu: VT.

CHI CỤC TRƯỞNG



Phan Kim Sương

PHỤ LỤC 1

CHỈ TIÊU CHUYÊN MÔN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU Y TẾ - DÂN SỐ

(Kèm theo Kế hoạch số 4/KH-CCATVSTP ngày 17/03/2025 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm)

1. Hoạt động nâng cao năng lực quản lý chất lượng an toàn thực phẩm

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Tổng cộng	Thủ Đầu Một	Thuận An	Dĩ An	Tân Uyên	Bắc Tân Uyên	Bến Cát	Bàu Bàng	Phú Giáo	Dầu Tiếng	Chi cục
1	Tỷ lệ cơ sở SXCBKD TP được kiểm tra đạt yêu cầu về ATTP	%	≥90	≥90	≥90	≥90	≥90	≥90	≥90	≥90	≥90	≥90	≥90
	Số cơ sở quản lý	Lượt cơ sở	15897	2399	2120	2033	2369	684	1212	857	1061	992	2170
2	Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra ATTP tại tuyến tỉnh, tuyến huyện và tuyến xã được bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ và kiến thức về ATTP	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Số lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ ATTP tuyến huyện và tuyến xã (110 BCCT)	Lớp	02	0	0	0	0	0	0	0	0	0	02

Ghi chú:

- Số cơ sở được kiểm tra đạt ATTP = Số cơ sở kiểm tra x tỉ lệ đạt ($\geq 90\%$).
- Số lượng cơ sở được kiểm tra, giám sát: Tùy theo tình hình thực tế (kinh phí, nhân lực,) các địa phương xây dựng kế hoạch chi tiết để kiểm tra, giám sát phù hợp, đúng quy định.
- Cứ cán bộ tham gia 100% các lớp tập huấn của do Trung ương, địa phương tổ chức

2. Hoạt động thông tin giáo dục truyền thông đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm

[illegible]

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Tổng cộng	Thủ Dầu Một	Thuận An	Dĩ An	Tân Uyên	Bắc Tân Uyên	Bến Cát	Bàu Bàng	Phú Giáo	Dầu Tiếng	Chi cục
	- Tổ chức Hội thi tìm hiểu văn bản quy phạm pháp luật về ATTP năm 2025	Hội thi	10	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01
4	Điều tra kiến thức, thực hành người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người quản lý và người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm			(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)
	Điều tra kiến thức, thực hành người người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm	Mẫu	900	120	180	180	150	30	90	30	60	60	0
5	Diễn tập Ứng phó ngộ độc thực phẩm tập thể	Lần	10	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01

Ghi chú:

- (*) Người lãnh đạo quản lý, người trực tiếp sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm: điều tra lồng ghép qua các đợt thanh tra, kiểm tra;
- Người tiêu dùng: Đơn vị xây dựng phương pháp điều tra chọn cụm (30 mẫu/01 cụm: xã/phường/thị trấn) phù hợp.
- Riêng các Đợt cao điểm phối hợp phát thanh trên loa đài tuyến huyện và tuyến xã: 04 lần/tháng
- Cứ cán bộ tham gia 100% các lớp tập huấn của do Tuyến trên tổ chức
- Các đơn vị căn cứ vào nguồn nhân lực, kinh phí và điều kiện thực tế của địa phương để triển khai thực hiện

3. Hoạt động 3: Tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm an toàn thực phẩm

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Tổng cộng	Thủ Dầu Một	Thuận An	Dĩ An	Tân Uyên	Bắc Tân Uyên	Bến Cát	Bàu Bàng	Phú Giáo	Dầu Tiếng	Chi cục
1	Mua sắm test nhanh (HCBVTV, Hàn the, Formol, Tẩy trắng, Methanol, Nitrit, Nitrat, Salicylic, Giám ăn,...)	Hộp	30	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	30

Ghi chú: (*) Các đơn vị căn cứ vào nguồn nhân lực, kinh phí và điều kiện thực tế của địa phương để triển khai thực hiện

4. Hoạt động phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm

4.1. Chỉ tiêu số ca mắc ngộ độc thực phẩm

TT	Các chỉ tiêu						Đơn vị tính		Kế hoạch năm 2024	
1	Tỷ lệ người mắc ngộ độc thực phẩm trên 100.000 dân						Ca/100.000 dân		< 7	

4.2. Cấp Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

TT	Các chỉ tiêu	DVT	Tổng cộng	Thủ Dầu Một	Thuận An	Dĩ An	Tân Uyên	Bắc Tân Uyên	Bến Cát	Bàu Bàng	Phú Giáo	Dầu Tiếng	Chỉ cục
1	Số cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc diện cấp giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	Cơ sở	4.885	662	507	498	400	111	266	176	212	237	1.816
	Tỷ lệ cấp giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	%	≥ 95	≥ 95	≥ 95	≥ 95	≥ 95	≥ 95	≥ 95	≥ 95	≥ 95	≥ 95	≥ 95
2	Số cơ sở cơ sở sản xuất quản lý	Cơ sở	354	0	0	0	0	0	0	0	0	0	≥ 336
	Tỷ lệ (%)	%	≥ 95	0	0	0	0	0	0	0	0	0	≥ 95

4.3. Hậu kiểm, giám sát ô nhiễm thực phẩm

TT	Các chỉ tiêu	DVT	Tổng cộng	Thủ Dầu Một	Thuận An	Dĩ An	Tân Uyên	Bắc Tân Uyên	Bến Cát	Bàu Bàng	Phú Giáo	Dầu Tiếng	Chỉ cục
1	Mua mẫu giám sát ô nhiễm thực phẩm test nhanh	Mẫu		(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)



2	Mua mẫu giám sát ô nhiễm thực phẩm xét nghiệm định lượng	Mẫu	20	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	20
3	Hậu kiểm chất lượng sản phẩm sau công bố	Mẫu	200	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	200

Ghi chú: (*) Các đơn vị căn cứ vào nguồn nhân lực, kinh phí và điều kiện thực tế của địa phương để triển khai thực hiện

4.4. Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm đối với thức ăn đường phố

TT	Mục tiêu/chỉ tiêu	Chỉ tiêu (%)	Thủ Dầu Một	Thuận An	Dĩ An	Tân Uyên	Bắc Tân Uyên	Bến Cát	Bàu Bàng	Phú Giáo	Dầu Tiếng	Tổng số
1	Tổng số cơ sở quản lý		1581	1342	1382	1787	541	746	637	807	721	9.544
2	Số cơ sở đạt ATTP sau kiểm tra ($\geq 90\%$ số được kiểm tra)	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$

4.5. Vận động ký cam kết không để xảy ra ngộ độc thực phẩm tại bếp ăn tập thể, cơ sở chế biến suất ăn sẵn

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Tổng cộng	Thủ Dầu Một	Thuận An	Dĩ An	Tân Uyên	Bắc Tân Uyên	Bến Cát	Bàu Bàng	Phú Giáo	Dầu Tiếng	Chi cục
1	Số cơ sở quản lý	Cơ sở	2.024	158	323	156	247	34	215	51	43	42	755
2	Ký cam kết không để xảy ra ngộ độc thực phẩm	Cơ sở	2.024	158	323	156	247	34	215	51	43	42	755
3	Thành lập Tổ tự quản an toàn thực phẩm	Cơ sở	1.622 (BATT)	158	323	156	247	34	215	51	43	42	353

18
HNO
834
OTN
Y

KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU Y TẾ DÂN SỐ TẠI CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM NĂM 2025

(Kèm Kế hoạch số 4/KH-CCATVSTP ngày 17/03/2025 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm)

STT	Nội dung	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I. DƯ ÁN 4: AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM						
1	Năng, phụ cấp công tác phí cho người đi kiểm tra, giám sát định kỳ về ATTP				1,235,000	
	Tuyển tỉnh: 2.170*80%	Cơ sở	1,736			
	* Xăng xe ô tô công tác: 1 cơ sở = 3 lít xăng A95	1.000đ	3	22	114,576	Theo thực tế phát sinh
	* Thuê xe hợp đồng phục vụ công tác đi kiểm tra, giám sát	1.000đ			20,000	Chi thuê xe trong trường hợp 02 xe cơ quan đều phải phục vụ công tác không thể hỗ trợ. 1 trong 2 xe hư hỏng nặng...
	Số ngày đi kiểm tra, giám sát (trung bình 1 ngày, 2 đoàn kiểm tra 6 cơ sở)	Ngày	217			Thanh toán theo thực tế phát sinh
	* Phụ cấp công tác phí 2 đoàn (đoàn 3 người) Mức chi: 120.000 đồng/người	1.000đ	6	120	156,240	Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính và Nghị Quyết 03/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương
2	Công tác phí điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, đi gửi mẫu....	Ngày	13			
	*Phụ cấp công tác phí: 6 người x 120.000 đồng/người/ngày x 13 ngày	1.000đ	6	120	9,360	Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính và Nghị Quyết 03/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương
	*Hỗ trợ người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí): 6 người x 100.000 đồng/người/ngày x 13 ngày (nếu có)	1.000đ	6	100	3,600	Khoản 2, điều 19, Nghị quyết 12/2023/NQ-HĐND 26/07/2023
	* Chi phí gửi mẫu trong trường hợp nghi ngờ ngộ độc thực phẩm hoặc trong trường hợp kiểm tra đột xuất phải gửi mẫu...(nếu có)	1.000đ			50,000	Theo thực tế phát sinh
3	Đi công tác trong, ngoài tỉnh phục vụ hoạt động chuyển môn về ATTP, công tác chỉ đạo tuyển, giám sát tuyển, giám sát về ATTP...					
3.1	Đi công tác trong tỉnh phục vụ hoạt động chuyển môn về ATTP, công tác chỉ đạo giám sát tuyển....					
	Phụ cấp công tác phí (06 người x 12 đợt x 03 ngày)	1.000đ	216	120	25,920	Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính và Nghị Quyết 03/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương
	Hỗ trợ hoạt động giám sát ATTP (05 người x 20 đợt x 02 ngày)	1.000đ	200	40	8,000	Điều 7, Nghị quyết 12/2023/NQ-HĐND 26/07/2023
3.2	Đi công tác ngoài tỉnh phục vụ hoạt động chuyển môn về ATTP (hội thảo, hội nghị, kiểm tra chéo,...)					
	Tiền vé máy bay, tàu xe, thuê xe....	1.000đ			35,000	
	Phụ cấp công tác phí	1.000đ			25,000	Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017, Căn cứ vào kế hoạch, thanh toán theo thực tế phát sinh
	Phòng nghỉ	1.000đ			20,000	
4	Tổ chức hội thi tìm hiểu văn bản quy phạm pháp luật an toàn thực phẩm	1.000đ			70,000	

11/31 25/3/2025

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
L. DỰ ÁN 4: AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM						
5	Treo băng rôn tuyên truyền ATTP 3 đợt (Tết nguyên đán 1, Trung thu 2, Tháng hành động 2)				1.235.000	
	*05 cái/đợt x 3 đợt.....	1.000đ	5	2.000	10.000	
6	Tổ chức lớp tập huấn cập nhật kiến thức cho các bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý ATTP (9 lớp x 100 người/lớp)				86.400	
	*Kinh phí (Nước uống; Photo tài liệu; Thuế và trang trí hội trường; âm thanh, ánh sáng; chi thù lao cho báo cáo viên (nếu có)...)	1.000đ				
	Photo tài liệu....	1.000đ	900	20	18.000	
	Thuế hội trường; âm thanh, ánh sáng....	1.000đ	9	5.000	45.000	
	Nước uống	1.000đ	900	10	9.000	
	Chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên....	1.000đ	9	1.600	14.400	+ Mục a, khoản 1, điều 2, Nghị quyết 15/2023/NQ-HHND ngày 26/07/2023 của HHND tỉnh. + Công văn số 3903/SYT-KHHC ngày 05/12/2023 của SYT về việc chưa áp dụng Nghị quyết 15/2023/NQ-HHND cho hoạt động hội thảo, tập huấn, các chương trình Y tế - Dân số. -->Mức chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên này chi thực hiện chi khi có văn bản hướng dẫn từ cấp trên.
7	Tổ chức lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ quản lý ATTP tuyến huyện và tuyến xã (2 lớp x 110 người/lớp)				19.800	
	*Kinh phí (Nước uống; Photo tài liệu; Thuế và trang trí hội trường; âm thanh, ánh sáng; chi thù lao cho báo cáo viên (nếu có)...)	1.000đ				
	Photo tài liệu....	1.000đ	220	20	4.400	
	Thuế hội trường; âm thanh, ánh sáng....	1.000đ	2	5.000	10.000	
	Nước uống	1.000đ	220	10	2.200	
	Chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên....	1.000đ	2	1.600	3.200	+ Mục a, khoản 1, điều 2, Nghị quyết 15/2023/NQ-HHND ngày 26/07/2023 của HHND tỉnh. + Công văn số 3903/SYT-KHHC ngày 05/12/2023 của SYT về việc chưa áp dụng Nghị quyết 15/2023/NQ-HHND cho hoạt động hội thảo, tập huấn, các chương trình Y tế - Dân số. -->Mức chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên này chi thực hiện chi khi có văn bản hướng dẫn từ cấp trên.
8	Tổ chức hội nghị triển khai, cập nhật văn bản quy phạm pháp luật về ATTP (2 lớp x 200 người/lớp)		2 lớp		25.200	



STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I. DỰ ÁN 4: AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM						
	*Kính phí (Nước uống: Photo tài liệu: Thuê và trang trí hội trường, âm thanh, ánh sáng; chi thù lao cho báo cáo viên (nếu có)....)	1.000đ	200 người		1.235.000	
	Photo tài liệu	1.000đ	400	20	8.000	
	Thuê hội trường, âm thanh, ánh sáng....	1.000đ	2	5.000	10.000	Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017: Căn cứ vào kế hoạch ,thanh toán theo thực tế phát sinh
	Nước uống	1.000đ	400	10	4.000	
	Chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên....	1.000đ	2	1.600	3.200	+ Mục a, khoản 1, điều 2, Nghị quyết 15/2023/NQ-HĐND ngày 26/07/2023 của HĐND tỉnh. + Công văn số 3903/SYT-KHTC ngày 05/12/2023 của SYT về việc chưa áp dụng Nghị quyết 15/2023/NQ-HĐND cho hoạt động hội thảo, tập huấn, các chương trình Y tế - Dân số. --> Mức chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên này chi thực hiện chi khi có văn bản hướng dẫn từ cấp trên.
9	Tập huấn, diễn tập ứng phó ngộ thực phẩm (Nhiên liệu, CTP, thuê địa điểm, âm thanh, ánh sáng,VPP....)	1.000đ			100.000	
10	Gửi xét nghiệm mẫu công tác thanh, kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm (P.Thanh tra)	1.000đ			220.000	
	* Kính phí	1.000đ				
	Chi phí gói thầu		200 mẫu	1.000	200.000	
	Chi phí thuê tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT; thẩm định E-HSMT, KQLCNT....	Gói thầu	1	20.000	20.000	
11	Gửi xét nghiệm mẫu giám sát môi nguy ô nhiễm thực phẩm (Phòng HCNV)	1.000đ	15 mẫu		30.000	
	* Kính phí					
	Chi phí gửi mẫu			200	20.000	Dự kiến số lượng mẫu: 15 mẫu
	Chi phí mua mẫu giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm			100	10.000	Xét nghiệm: 07 chi tiêu/mẫu
13	Mua sắm test nhanh thực phẩm phục vụ công tác bảo đảm ATTP	1.000đ			15.000	
	* Chi tiêu	Hộp	30			
	* Kính phí	1.000đ		500	15.000	
14	Dùng cụ thực hiện test nhanh (bịch, dây thun, hộp inox, khay đựng...)	1.000đ			2.904	
15	In ấn tài liệu tuyên truyền an toàn thực phẩm (tờ rơi, sổ tay, áp phích....)	1.000đ	20.000 tờ	1.000	20.000	
16	Sửa chữa, lắp mới pano phục vụ công tác truyền thông bảo đảm an toàn thực phẩm tại 09 huyện/thành phố (thay chân trụ, sơn mới, thay bạt...)	1.000đ			100.000	
17	Chi cho hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000đ/vụ x 5 vụ (nếu có)	1.000đ			13.000	Khoản 1, điều 19, Nghị quyết 12/2023/NQ-HĐND 26/07/2023
18	Chi hàng hóa dịch vụ phục vụ cho công tác chuyển môn ATTP (văn phòng phẩm, cước công văn, sửa chữa thiết bị văn phòng, sách báo tài liệu....)	1.000đ			30.000	
19	Chi khác (lệ phí cầu đường, sửa chữa nhỏ xe ô tô phục vụ chương trình ATTP,....)	1.000đ			25.000	

THÀNH

STT	Nội dung	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chú chú
I. DỰ ÁN 4: AN TOÀN VỀ SINH THỰC PHẨM						
II. DỰ ÁN 8: THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ, KIỂM TRA, GIÁM SÁT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ TRUYỀN THÔNG Y TẾ, TRUYỀN THÔNG AN TOÀN THỰC PHẨM						
20	Tổ chức hoạt động tháng hành động vì chất lượng ATP (hình thức dự kiến: hội nghị, meeting, tuyên truyền LD, giám sát ATP, kiểm tra giám sát BCD, gửi mẫu...)					
	*Kinh phí	1.000đ	1	115.000	115.000	
TỔNG KINH PHÍ					1.350.000	

